TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-PT
Ngày 20 - 4 -2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm và ông Lê Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng – Kiểm sát viên;

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E.

- *Bị cáo có kháng cáo:* A sinh ngày 16 tháng 5 năm 1979 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 435A, tổ 02, khóm B, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông G sinh năm 1942 và bà H sinh năm 1953 (đã chết); có vợ tên I (chưa đăng ký kết hôn), sinh năm 1985 và 04 con; tiền án: không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 26/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông B (B Gạo), sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp C, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông C (C Niếng), sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 155/2, K, khóm L, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông D (D Lùn), sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 1105E/56, I, khóm K 5, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Đ (Đ Chùa), sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 617A, P, khóm M, phường N, tỉnh An Giang.

(Trong vụ án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/02/2019, A hợp đồng thuê 01 chiếc ô tô 07 chỗ biển kiểm soát 67A-092.50 của bà E do ông B đại diện. Nội dung thuê xe để chở thuê theo các dịch vụ thuê xe theo quy định của pháp luật, giá thuê là 8.000.000đ/tháng, định kỳ vào ngày 26 hàng tháng A phải trả tiền thuê xe, trong thời hạn 05 ngày chưa giao tiền thuê xe thì sẽ thu hồi lại xe. Đến ngày 25/6/2019, A chưa trả tiền thuê xe và B không liên lạc được nên trình báo. Do làm ăn thua lỗ và thiếu nợ nên ngày 10/5/2019, A cầm cố xe ô tô đã thuê cho C (C Niểng) với giá là 100.000.000đồng. Sau khi cầm xe A trả nợ cho người phụ nữ đi cùng 92.000.000đồng, đưa cho Đ 8.000.000đồng và Đ đưa 8.000.000đồng lại cho D.

Qua công tác điều tra, xác minh, ngày 26/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E đã bắt tạm giam A để điều tra xử lý về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Thu hồi 01 xe ô tô biển số 67A-092.50 loại 7 chỗ, màu sơn bạc, nhãn hiệu Chevrolet, số loại Captiva, số khung 009185, số máy 085464, đã qua sử dụng do C đang cầm cố của A.

Theo Kết luận định giá tài sản số 37/KL.ĐGTSTTHS ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện E xác định: 01 xe ô tô biển số 67A-092.50 loại 7 chỗ, màu sơn bạc, nhãn hiệu Chevrolet, số loại Captiva, số khung 009185, số máy 085464, đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản 345.000.000đồng.

Về trách nhiệm bồi thường: Ông B đã nhận lại xe nên không có yêu cầu bồi thường; Ông C yêu cầu bị cáo A trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSCP ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 22-01-2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/02/2020 bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: bị cáo A kháng cáo trong hạn luật định, nội dung kháng cáo rõ ràng, nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: Kết luận định giá tài sản số 37/KL.ĐGTSTTHS ngày 15/8/2019xác định 01 xe ô tô biển số 67A-092.50 loại 7 chỗ, màu sơn bạc, nhãn hiệu Chevrolet, số loại Captiva, số khung 009185, số máy 085464, đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản 345.000.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bị hại và những tài liệu, vật chứng của vụ án. Sau khi thuê xe, bị cáo đã có hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản của người khác. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 06 năm tù là đúng người, đúng tội. Do vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án vào ngày 22/01/2020. Ngày 04/02/2020, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tòa án nhân dân huyện E đã nhận định bị cáo A có hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" dựa trên các chứng cứ về lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bị hại và những tài liệu, vật chứng của vụ án. Trên cơ sở Hợp đồng thuê xe, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản trị giá 345.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo A đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo bị truy tố và xét xử hành vi phạm tội tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để xem xét, cân nhắc, tuyên phạt bị cáo 06 năm tù là đúng quy định pháp luật.

Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xem xét. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E, như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo A 06 (Sáu) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/9/2019.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang không

có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện E (2);
- VKSND huyện E (1);
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện E (1);
- Cơ quan điều tra Công an huyện E (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện E (1);
- Trại tạm giam (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (1);
- Tòa Hình sự (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 10 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Tố Giang